

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN MÔ TÔ - XE MÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số...122.../QĐ-PVIBH ngày...21... /...12/2020 của
Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

Quy tắc Bảo hiểm tự nguyện Mô tô - Xe máy (sau đây gọi là Quy tắc) này quy định các điều khoản, điều kiện bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy và xe gắn máy (không bao gồm các loại xe đạp máy, xe đạp điện, xe máy dành cho người khuyết tật, xe lam/ba gác, xích lô máy và các loại xe cơ giới tương tự), là căn cứ pháp lý để giải quyết bồi thường khi có tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm xảy ra đối với xe tham gia bảo hiểm tại Bảo hiểm PVI. Quy tắc này đồng thời được đăng tải trên trang mạng internet <http://www.baohiempvi.com.vn> của Tổng công ty Bảo hiểm PVI.

Trên cơ sở Chủ xe / Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm đầy đủ theo quy định của Tổng công ty Bảo hiểm PVI (sau đây gọi là **Bảo hiểm PVI**), Bảo hiểm PVI nhận bảo hiểm cho xe mô tô, xe máy và xe gắn máy (sau đây gọi tắt là **Xe máy**) theo các điều kiện, điều khoản được quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

Nội dung Quy tắc này bao gồm

- Quy định chung (Chương I).
- Bảo hiểm Thiệt hại vật chất Xe máy (Chương II).
- Bảo hiểm Tự nguyện TNDS của chủ Xe máy (Chương III).
- Bảo hiểm Tai nạn Lái xe và tai nạn người ngồi trên Xe máy (Chương IV).

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1: Các định nghĩa**

- **Xe mô tô (hay còn gọi là xe máy):** là xe cơ giới hai hoặc ba bánh và các loại xe tương tự, di chuyển bằng động cơ có dung tích xy lanh từ 50 cm³ trở lên.
- **Xe gắn máy:** là phương tiện chạy bằng động cơ có hai bánh hoặc ba bánh và vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/giờ. Nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được lớn hơn 50 cm³.
- **Chủ xe:** là cá nhân, tổ chức sở hữu Xe máy hoặc cá nhân, tổ chức được giao chiếm hữu, sử dụng Xe máy (bao gồm cả trường hợp đã mua xe, có giấy tờ, hợp đồng mua bán xe hợp pháp nhưng chưa làm thủ tục đăng ký, chưa chuyển đổi tên chủ sở hữu xe theo quy định).
- **Bên mua bảo hiểm:** là cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng bảo hiểm với Bảo hiểm PVI và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể là Chủ xe hoặc không phải là Chủ xe.
- **Người được bảo hiểm:** là Chủ xe có tên trên Giấy đăng ký xe và/ hoặc đang sở hữu hợp pháp Xe máy được bảo hiểm và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- **Người thụ hưởng:** là người có quyền thụ hưởng hợp pháp đối với những quyền lợi

liên quan đến Xe máy được bảo hiểm bị tổn thất hay thiệt hại trong phạm vi được bảo hiểm.

- **Lái xe:** là người trực tiếp điều khiển Xe máy được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất.
- **Thời gian sử dụng xe:** là khoảng thời gian tính từ năm đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến năm giao kết hợp đồng bảo hiểm.
- **Giá thị trường:** là giá mua bán trung bình của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (maker), cùng mẫu xe (model) được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm cần xác định.
- **Giá trị bảo hiểm:** Là giá trị thực tế của xe do Bên mua bảo hiểm thỏa thuận với Bảo hiểm PVI và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm.
- **Số tiền bảo hiểm (viết tắt là STBH):** Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và được ghi trên GCNBH / HĐBH nhưng không cao hơn Giá trị bảo hiểm.
- **Cơ sở sửa chữa chính hãng:** là (các) cơ sở sửa chữa, showroom của công ty/ chi nhánh, đại lý bán/phân phối xe được hãng sản xuất xe / nhà phân phối xe ủy quyền hợp pháp thực hiện sửa chữa và cung cấp các loại phụ tùng chính hãng.
- **Tổn thất toàn bộ:** là các tổn thất có chi phí sửa chữa thực tế hoặc chi phí sửa chữa ước tính lớn hơn **75%** Giá trị thực tế của Xe máy tại thời điểm xảy ra tổn thất; Xe máy bị mất trộm, bị cướp.
- **Phí bảo hiểm:** là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm phải trả cho Bảo hiểm PVI tại thời điểm Bảo hiểm PVI cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc theo thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
- **Tai nạn:** là sự kiện có tính chất bất ngờ, không lường trước được, từ bên ngoài, có thể quan sát được, độc lập với các nguyên nhân khác và là nguyên nhân duy nhất gây ra tổn thất cho Xe máy. Tai nạn có thể bao gồm cả trường hợp Xe máy đang tham gia giao thông hoặc Xe máy đang không sử dụng.
- **Tai nạn giao thông:** là tai nạn xảy ra đối với Xe máy gây thiệt hại toàn bộ hoặc một hay nhiều bộ phận của xe máy khi Xe đang tham gia giao thông.
- **Mất trộm, mất cắp:** Xe máy bị mất có nguyên nhân từ hành vi sử dụng vũ lực hay sức mạnh để đột nhập, cạy phá và/ hoặc thoát ra bằng vũ lực, có bằng chứng / chứng cứ để lại hiện trường, nhằm chiếm đoạt Xe máy, bao gồm cả việc phá hỏng Xe máy.
- **Cướp:** là hành vi tước đoạt Xe máy bằng cách uy hiếp, sử dụng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực hoặc bất kỳ hành động phạm tội nào (trừ trường hợp lừa đảo) đối với Chủ xe / Lái xe / Bảo vệ tại điểm trông giữ xe nhằm chiếm đoạt Xe máy được bảo hiểm.
- **Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên:** bao gồm nhưng không giới hạn giông, bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, sóng thần...
- **Cháy:** phản ứng hóa học có tỏa nhiệt và phát sáng do nổ hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác.
- **Nổ:** phản ứng hoá học gây ra việc giải phóng khí và năng lượng đột ngột với khối lượng lớn đồng thời phát ra âm thanh và ảnh hưởng vật lý đến các vật xung quanh.
- **Khủng bố:** là một, một số hoặc tất cả các hành vi theo quy định tại Điều 3 Luật Phòng chống, khủng bố hiện hành của Nước CHXHCN Việt Nam.
- **Giấy yêu cầu bảo hiểm (viết tắt là GYCBH):** là biểu mẫu của Bảo hiểm PVI được

sử dụng để bên mua bảo hiểm ghi rõ các yêu cầu bảo hiểm, được lập bằng bản giấy hoặc bản điện tử trên website hoặc ứng dụng bán hàng nhằm thiết lập Bộ hợp đồng bảo hiểm hoặc GCNBH. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không ký vào GYCBH hoặc không gửi GYCBH đã ký cho Bảo hiểm PVI, nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì được hiểu là Bên mua bảo hiểm đã đồng ý với thông tin ghi trên GCNBH / HĐBH mà Bảo hiểm PVI đã cấp cho Chủ xe.

- **Giấy chứng nhận bảo hiểm (viết tắt là GCNBH):** là giấy xác nhận trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm PVI với Chủ xe theo các phạm vi bảo hiểm, điều kiện, điều khoản được ghi trên GCNBH, được Bảo hiểm PVI cấp cho Chủ xe. Cùng với GYCBH và/hoặc phí bảo hiểm đã được nộp, GCNBH là bằng chứng của việc ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa Bên mua bảo hiểm và Bảo hiểm PVI, chịu sự điều chỉnh của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Quy tắc này.
- **Sửa đổi bổ sung (viết tắt là SĐBS):** là văn bản do Bảo hiểm PVI cấp cho Chủ xe, xác nhận các thay đổi về nội dung của GCNBH đã cấp trước đó trên cơ sở chấp thuận các yêu cầu bảo hiểm bổ sung bằng văn bản của Chủ xe và là một bộ phận không tách rời của GCNBH.
- **Bản Hợp đồng bảo hiểm (viết tắt là HĐBH):** là văn bản thoả thuận do Bên mua bảo hiểm và Bảo hiểm PVI cùng ký kết. Mọi thay đổi liên quan đến nội dung của bản HĐBH đã ký kết phải được các bên thoả thuận và xác lập bằng bản Phụ lục hợp đồng đối với các thay đổi liên quan đến nội dung được ghi trên GCNBH / HĐBH. Theo đó, Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ phí bảo hiểm, Bảo hiểm PVI phải bồi thường cho Chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm.
- **Bộ Hợp đồng bảo hiểm:** phải được lập bằng văn bản bao gồm Giấy yêu cầu bảo hiểm (nếu có), Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, (các) Sửa đổi bổ sung (nếu có), bản Hợp đồng bảo hiểm (nếu có), (các) Phụ lục hợp đồng (nếu có) và các thoả thuận khác bằng văn bản (nếu có). Trong mọi trường hợp, Bên mua bảo hiểm đã ký giao kết HĐBH thì không bắt buộc phải có GYCBH. Bảo hiểm PVI cung cấp Quy tắc bảo hiểm trực tiếp hoặc đăng tải các tài liệu liên quan trên website của Bảo hiểm PVI.

Điều 2: Hiệu lực bảo hiểm

- 2.1. Hiệu lực bảo hiểm là thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn bảo hiểm được ghi trên GCNBH / HĐBH. Trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm PVI chỉ phát sinh sau khi Bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ ngay khi nhận GCNBH (trừ trường hợp có thoả thuận khác bằng văn bản).
- 2.2. Trong trường hợp Chủ xe chuyển quyền sở hữu xe hợp lệ theo quy định của pháp luật, mọi quyền lợi bảo hiểm liên quan đến xe được bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với Chủ xe mới. Trường hợp Chủ xe cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho Chủ xe mới và có yêu cầu hoàn phí bảo hiểm của thời gian còn lại bằng văn bản, thì Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại phí cho Chủ xe cũ theo quy định tại Điều 3 dưới đây và hiệu lực bảo hiểm chấm dứt kể từ ngày Bảo hiểm PVI nhận được yêu cầu hoàn phí của chủ xe.

Điều 3: Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm

Bảo hiểm này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 3.1. Kết thúc thời hạn bảo hiểm ghi trong GCNBH / HĐBH.
- 3.2. Bên mua bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn ngay tại thời điểm nhận được GCNBH hoặc sau thời hạn nộp phí được quy định trong HĐBH và

Bảo hiểm PVI không có thỏa thuận nào khác cho Bên mua bảo hiểm nợ phí. Bảo hiểm PVI không phải gửi bất cứ thông báo nào đến Bên mua bảo hiểm/ Chủ xe/ Người đại diện hợp pháp của Chủ xe về việc chấm dứt bảo hiểm này.

Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số phí bảo hiểm chưa thanh toán tương ứng với thời gian xe đã được bảo hiểm tính đến thời điểm chấm dứt. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày GCNBH chấm dứt hiệu lực, Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) trừ trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn bảo hiểm hoặc yêu cầu Bên mua bảo hiểm đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

GCNBH / HĐBH sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm và được Bảo hiểm PVI chấp thuận, tùy thời điểm nào đến sau. Bảo hiểm PVI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh trong khoảng thời gian từ thời điểm GCNBH / HĐBH chấm dứt hiệu lực đến thời điểm GCNBH / HĐBH được khôi phục hiệu lực.

Việc thanh toán phí bảo hiểm cho nhân viên, đại lý, người đại diện, người trung gian của Bảo hiểm PVI sẽ được xem như là đã thanh toán cho Bảo hiểm PVI.

3.3. Đơn phương chấm dứt hiệu lực GCNBH / HĐBH trước thời hạn:

Trong thời hạn bảo hiểm, trừ trường hợp GCNBH / HĐBH tự động chấm dứt do Bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hiệu lực GCNBH / HĐBH theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước thời điểm dự kiến chấm dứt tối thiểu 5 ngày làm việc.

Trường hợp Chủ xe đơn phương chấm dứt hiệu lực GCNBH / HĐBH trước thời hạn, Chủ xe phải thông báo bằng văn bản cho Bảo hiểm PVI. Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho Chủ xe 70% phí bảo hiểm của thời gian hủy bỏ với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn. Bảo hiểm PVI không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trước thời điểm chấm dứt hiệu lực GCNBH / HĐBH hoặc đã phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm. GCNBH / HĐBH chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Bảo hiểm PVI nhận được thông báo hủy bỏ GCNBH / HĐBH.

Trường hợp Bảo hiểm PVI đơn phương chấm dứt hiệu lực GCNBH / HĐBH, Bảo hiểm PVI phải thông báo bằng văn bản cho Chủ xe. Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm 100% phí bảo hiểm của thời gian hủy bỏ với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm đầy đủ.

Bên mua bảo hiểm phải hoàn thiện các biểu mẫu, thủ tục hủy đơn bảo hiểm theo hướng dẫn của Bảo hiểm PVI, hoàn trả lại GCNBH / HĐBH và các tài liệu kèm theo trước khi Bảo hiểm PVI hoàn trả phí bảo hiểm (trừ trường hợp Bảo hiểm PVI không yêu cầu Chủ xe phải hoàn trả các tài liệu trên).

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Chủ xe / Bên mua bảo hiểm

4.1. Quyền của Chủ xe / Bên mua bảo hiểm

- a. Yêu cầu Bảo hiểm PVI giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm;
- b. Yêu cầu Bảo hiểm PVI trả tiền bảo hiểm cho Chủ xe hoặc theo văn bản chuyển quyền thụ hưởng liên quan (nếu có) khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- c. Chuyển nhượng quyền sở hữu Xe máy kèm theo quyền lợi bảo hiểm còn hiệu lực

cho Chủ xe mới hoặc yêu cầu chấm dứt HĐBH / GCNBH theo quy định tại Quy tắc này và quy định của pháp luật;

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Nghĩa vụ Chủ xe / Bên mua bảo hiểm / Lái xe.

- a. Khi yêu cầu bảo hiểm, phải đọc và yêu cầu Bảo hiểm PVI giải thích (nếu cần) để hiểu rõ Quy tắc của Bảo hiểm PVI và phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong GYCBH theo mẫu của Bảo hiểm PVI và/hoặc cung cấp đầy đủ thông tin về xe được quy định trong GCNBH / HĐBH;
- b. Tạo điều kiện thuận lợi để Bảo hiểm PVI xem xét, đánh giá tình trạng xe trước khi cấp GCNBH / HĐBH;
- c. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ ngay khi nhận GCNBH hoặc theo đúng thời hạn được quy định trong HĐBH;
- d. Trong thời hạn bảo hiểm, nếu có sự thay đổi các thông tin trong GCNBH / HĐBH, Chủ xe phải thông báo cho Bảo hiểm PVI trong vòng 15 ngày kể từ khi có sự thay đổi những thông tin đó;
- e. Thông báo ngay cho Bảo hiểm PVI khi chuyển nhượng quyền sở hữu Xe máy kèm theo quyền lợi bảo hiểm còn hiệu lực cho Chủ xe mới;
- f. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông, Luật Giao thông đường bộ;
- g. Khi xảy ra tổn thất, Chủ xe / Lái xe có trách nhiệm:
 - i) Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường vụ tai nạn;
 - ii) Thông báo ngay cho Bảo hiểm PVI theo số điện thoại ghi trên GCNBH, đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xảy ra tổn thất;
 - iii) Thông báo tổn thất bằng văn bản cho Bảo hiểm PVI trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng nhưng tối đa không quá 01 năm kể từ ngày xảy ra tổn thất);
 - iv) Không được di chuyển xe làm mất hiện trường vụ tai nạn, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm PVI; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
 - v) Cung cấp các tài liệu trong Hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 của Quy tắc này.
- h. Phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và phối hợp, tạo điều kiện để Bảo hiểm PVI xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó;
- i. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Chủ xe phải thực hiện các nghĩa vụ đúng theo các hướng dẫn của Bảo hiểm PVI nhằm bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo hiểm PVI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo hiểm PVI để đòi Người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Bảo hiểm PVI bồi thường. Trong mọi trường hợp, Chủ xe không được tự ý thỏa thuận bồi thường với bên thứ ba khi chưa có ý kiến của Bảo hiểm PVI;
- j. Bàn giao xác Xe máy bị tổn thất và/ hoặc các giấy tờ tài liệu liên quan đồng thời

chấp thuận chuyển quyền sở hữu, định đoạt chiếc Xe bị tổn thất cho Bảo hiểm PVI sau khi nhận được Thông báo bồi thường;

k. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bảo hiểm PVI

5.1. Quyền của Bảo hiểm PVI.

- a. Có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận bán bảo hiểm tự nguyện Xe máy cho Bên mua bảo hiểm;
- b. Thu phí bảo hiểm đầy đủ ngay khi cấp GCNBH hoặc theo thoả thuận trong HĐBH;
- c. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc giao kết và thực hiện GCNBH / HĐBH;
- d. Từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường cho Chủ xe trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, loại trừ trách nhiệm bảo hiểm hoặc giảm trừ bồi thường theo thoả thuận trong GCNBH / HĐBH và Quy tắc này;
- e. Yêu cầu Chủ xe / Lái xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Quy tắc này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- f. Yêu cầu Người thứ ba bồi hoàn số tiền mà Bảo hiểm PVI đã bồi thường cho Người được bảo hiểm do lỗi của Người thứ ba gây ra đối với Xe máy được bảo hiểm;
- g. Đơn phương chấm dứt hiệu lực GCNBH / HĐBH khi Bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm;
- h. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ Bảo hiểm PVI.

- a. Giải thích cho Chủ xe / Bên mua bảo hiểm về Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm, quyền lợi và trách nhiệm của Chủ xe / Bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm;
- b. Cấp cho Bên mua bảo hiểm GCNBH, Quy tắc bảo hiểm hoặc HĐBH sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;
- c. Thông báo bằng văn bản phương án giải quyết trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ và không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp Bảo hiểm PVI phải tiến hành xác minh hồ sơ sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường;
- d. Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo hiểm PVI sẽ giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bảo hiểm PVI nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ;
- e. Phối hợp chặt chẽ với Chủ xe và cơ quan chức năng để giải quyết yêu cầu bồi thường đối với những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trường hợp Bảo hiểm PVI không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày Bảo hiểm PVI có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Bảo hiểm PVI sẽ chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được;

- f. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ xe, Bảo hiểm PVI sẽ phối hợp giải quyết ngay và sau khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo hiểm PVI có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất;
- g. Bảo hiểm PVI có trách nhiệm hướng dẫn Chủ xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 Quy tắc này;
- h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Giám định tổn thất

- 6.1. Khi xảy ra tổn thất/ tai nạn, mọi tổn thất hay thiệt hại về tài sản sẽ được Bảo hiểm PVI tiến hành giám định trực tiếp hoặc gián tiếp với sự có mặt của Chủ xe/ Lái xe hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ xe/ các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do tai nạn gây ra. Kết quả giám định phải được lập thành văn bản có chữ ký của các bên tham gia giám định. Chi phí giám định tổn thất do Bảo hiểm PVI chịu.
- 6.2. Trường hợp không thực hiện giám định lại nhằm xác định chi phí sửa chữa hợp lý của tổn thất, Bảo hiểm PVI căn cứ vào các báo giá sửa chữa chính hãng, các biên bản khám nghiệm, kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và các tài liệu liên quan để xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại làm căn cứ bồi thường.
- 6.3. Trường hợp Chủ xe/ Đại diện hợp pháp của Chủ xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do Bảo hiểm PVI xác định, hai bên sẽ thỏa thuận chọn một đơn vị giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trường hợp Bảo hiểm PVI và Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe không thỏa thuận được việc chọn đơn vị giám định độc lập thì một trong hai bên được quyền yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Chủ xe chỉ định đơn vị giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của đơn vị giám định do Tòa án chỉ định có giá trị bắt buộc đối với các bên.
- 6.4. Trường hợp kết luận của Giám định độc lập / của Đơn vị giám định do Tòa án chỉ định khác với kết luận giám định của Bảo hiểm PVI, Bảo hiểm PVI phải trả chi phí giám định. Trường hợp kết luận của Giám định độc lập / của Đơn vị giám định do Tòa án chỉ định trùng với kết luận giám định của Bảo hiểm PVI, Chủ xe phải trả chi phí giám định.

Điều 7: Hồ sơ yêu cầu bồi thường.

Đối với từng vụ việc cụ thể, hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

- 7.1. Tài liệu do Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe cung cấp:
 - a. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của Bảo hiểm PVI);
 - b. Tài liệu liên quan đến Xe máy được bảo hiểm, lái xe (nếu là bản sao phải có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bản sao có xác nhận của nhân viên Bảo hiểm PVI sau khi đã đối chiếu với bản gốc hoặc bản gốc để nhân viên Bảo hiểm PVI kiểm tra và sao chụp trực tiếp) như sau:
 - GCNBH và/hoặc HDBH và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
 - Giấy đăng ký xe máy (bản gốc trừ trường hợp bị mất hoặc bị phá hủy cùng Xe máy);

- Giấy phép lái xe hợp lệ và còn hiệu lực tại thời điểm tai nạn của người điều khiển xe bị tổn thất (trong trường hợp Xe máy bị tổn thất khi đang tham gia giao thông);
 - Các giấy tờ liên quan đến mua, bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);
 - Giấy chứng minh thư nhân dân / Căn cước công dân của Chủ xe / Người thụ hưởng và Lái xe (trong trường hợp Xe máy bị tổn thất khi đang tham gia giao thông mà người điều khiển xe không phải là Chủ xe / Người thụ hưởng);
 - Chìa khóa xe hoặc điều khiển điện xe máy (Smart key) (bao gồm cả chìa khóa hoặc Smart key dự phòng, nếu có) trong trường hợp tổn thất toàn bộ Xe máy.
- c. Tài liệu chứng minh thiệt hại bao gồm:
- i. Trường hợp thiệt hại về tài sản:
 - Bản gốc báo giá chi phí sửa chữa cho Xe máy bị tổn thất do Cơ sở sửa chữa chính hãng đề xuất (trường hợp xe bị tổn thất);
 - Các hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại, chứng từ xác định giá trị tài sản (nếu cần). Biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc mất trộm, mất cắp, bị cướp Xe;
 - Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Chủ xe/ Đại diện hợp pháp của Chủ xe/ Lái xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Bảo hiểm PVI.
 - ii. Trường hợp Xe máy bị mất trộm, mất cắp, mất cướp toàn bộ:
 - Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp mất cả giấy tờ/ tài liệu liên quan đến Xe do cùng nguyên nhân phải khai báo rõ nội dung này trong Đơn trình báo và có xác nhận của cơ quan công an;
 - Hồ sơ của cơ quan công an (bản sao hợp lệ do cơ quan công an cấp) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương, cơ quan chức năng có thẩm quyền;
 - Quyết định khởi tố vụ án hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp Xe máy được bảo hiểm;
 - Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe máy được bảo hiểm.

Trường hợp không thể cung cấp được bản gốc của một trong các tài liệu trên đây, Chủ xe hoặc Người thụ hưởng phải có nghĩa vụ cung cấp các giấy tờ pháp lý khác để chứng minh.
 - iii. Trường hợp thiệt hại về người:
 - Các chứng từ y tế xác định tình trạng thương tích của nạn nhân như: Giấy ra viện, bệnh án, giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật, giấy chứng từ, chứng từ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp (trường hợp Người được bảo hiểm chết). Giấy uỷ quyền hợp pháp trong trường hợp uỷ quyền.
- d. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
- e. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).
- f. Các tài liệu cần thiết (biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của Người thứ ba) để chuyển quyền cho Bảo hiểm PVI đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Chủ xe đã hoặc sẽ được Bảo hiểm PVI giải quyết bồi thường cho thiệt hại này (trong trường hợp đòi Người thứ ba).

- g. Xác nhận của cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương, cơ quan chức năng có thẩm quyền về tổn thất xảy ra đối với các nguyên nhân tổn thất do cháy, nổ, thiên tai;
 - h. Thư chấp nhận bồi thường và chuyển quyền khiếu nại (theo mẫu của Bảo hiểm PVI (nếu cần);
 - i. Giấy uỷ quyền (nếu có).
- 7.2. Tài liệu do Bảo hiểm PVI phối hợp và/hoặc hướng dẫn Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe/ Lái xe thu thập:
- a. Bản sao hợp lệ bộ hồ sơ có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
 - Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - Sơ đồ hiện trường tai nạn (nếu có);
 - Bản ảnh hiện trường tai nạn và các tài sản liên quan (nếu có);
 - Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có);
 - Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
 - Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
 - b. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba (nếu có).
 - c. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.
- 7.3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 8: Nguyên tắc xác định số tiền bảo hiểm và Phí bảo hiểm

- 8.1. Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá thị trường của Xe máy tại thời điểm tham gia bảo hiểm. Giá thị trường của Xe máy tham gia bảo hiểm được xác định như sau:
- a. Đối với xe mới 100%: là giá bán xe máy do các hãng sản xuất, lắp ráp trong nước công bố tại thị trường Việt Nam hoặc giá bán xe máy nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - b. Đối với xe đã qua sử dụng: là giá mua bán trung bình trên thị trường của xe máy tương tự cùng chủng loại (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, thông số kỹ thuật, năm sản xuất).
- 8.2. Phí bảo hiểm: Theo biểu phí hiện hành của Bảo hiểm PVI.

Điều 9: Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp cùng một Xe máy được bảo hiểm với cùng phạm vi bảo hiểm theo hai GCNBH / HDBH trở lên với tổng số tiền bảo hiểm của các GCNBH / HDBH lớn hơn giá trị thực tế của chiếc Xe đó tại thời điểm tham gia bảo hiểm gần nhất. Việc giải quyết bồi thường đối với trường hợp bảo hiểm trùng sẽ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- 9.1. Đối với những phạm vi bảo hiểm được cấp trùng của các HDBH / GCNBH, Bảo hiểm PVI chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm của GCNBH / HDBH cấp bồi / ký kết với Bảo hiểm PVI trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các

GCNBH / HĐBH mà Chủ xe / Bên mua bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm và đang còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra tổn thất.

- 9.2. Đối với những phạm vi bảo hiểm không trùng nhau của các HĐBH / GCNBH (nếu có), Bảo hiểm PVI sẽ giải quyết bồi thường độc lập theo HĐBH / GCNBH đã ký kết.

Điều 10: Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

- 10.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- 10.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Bảo hiểm PVI là 90 ngày kể từ ngày Chủ xe nhận được thông báo bồi thường của Bảo hiểm PVI trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan hoặc bất khả kháng theo quy định của Pháp luật. Quá thời hạn này, Bảo hiểm PVI sẽ không giải quyết khiếu nại.
- 10.3. Thời hiệu khởi kiện về việc giải quyết khiếu nại bảo hiểm của Bảo hiểm PVI là 03 (ba) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ hợp đồng bảo hiểm.
- 10.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ GCNBH / HĐBH, nếu Bảo hiểm PVI và Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

Điều 11: Những điểm loại trừ chung (áp dụng cho Chương II, Chương III):

Bảo hiểm PVI không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

- 11.1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác, sử dụng xe;
- 11.2. Tại thời điểm Xe máy đang hoạt động xảy ra tổn thất, thiệt hại, Lái xe không có Giấy phép lái xe (GPLX) hoặc GPLX không hợp lệ, không phù hợp đối với loại xe máy bắt buộc phải có GPLX. Trường hợp Lái xe bị tước quyền sử dụng GPLX có thời hạn hoặc không thời hạn, bị mất GPLX, bị tạm giữ GPLX mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng Lái xe chưa đến để giải quyết thì được coi là không có GPLX (GPLX do nước ngoài cấp được coi là không hợp lệ);
- 11.3. Xe máy bị tổn thất khi Lái xe trong tình trạng có nồng độ cồn máu/ khí thở hoặc sử dụng các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật;
- 11.4. Xe máy bị tổn thất khi Lái xe điều khiển xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, rẽ hoặc quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định của pháp luật; hoặc sử dụng xe vào các mục đích bất hợp pháp khác;
- 11.5. Tổn thất do Chủ xe / Lái xe sử dụng Xe máy được bảo hiểm để đua (bao gồm cả hợp pháp và không hợp pháp);
- 11.6. Hành vi vi phạm pháp luật của Chủ xe / Lái xe, bỏ chạy/ chống đối hiệu lệnh của Người thi hành công vụ, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi sử dụng xe máy để cướp giật;
- 11.7. Xe máy bị tổn thất ngoài lãnh thổ Việt Nam;
- 11.8. Xe máy bị tổn thất do hậu quả của chiến tranh, xâm lược, khủng bố, nội chiến, đình công, bạo động và các nguyên nhân tương tự;
- 11.9. Xe chạy vượt quá 50% tốc độ cho phép theo quy định của pháp luật (có kết luận của cơ quan chức năng có thẩm quyền);

- 11.10. Xe chở quá số lượng người khi tham gia giao thông (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi);
- 11.11. Tổn thất do hao mòn, hư hỏng tự nhiên phát sinh trong quá trình hoạt động của xe, hoặc do bản chất vốn có của xe máy, hỏng hóc do lỗi kỹ thuật, khuyết tật, ẩn tỳ của xe hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, thiệt hại trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử), các thiệt hại gián tiếp như giảm giá trị thương mại, ngừng sản xuất, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác xe;
- 11.12. Chủ xe / Lái xe không thông báo cho cơ quan công an, chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc và Bảo hiểm PVI trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xảy ra tổn thất; không thông báo bằng văn bản cho Bảo hiểm PVI trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Pháp luật nhưng tối đa không quá 01 năm kể từ ngày xảy ra tổn thất) (không áp dụng cho Chương III).

Chương II

BẢO HIỂM THIẾT HẠI VẬT CHẤT XE MÁY

Điều 12: Phạm vi bảo hiểm

Trên cơ sở phí bảo hiểm đã được thanh toán đầy đủ và đúng hạn, Bảo hiểm PVI chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất cho Chủ xe những thiệt hại vật chất Xe máy theo các chương trình sau:

- 12.1. **Chương trình 1:** Cháy, Nổ (trừ nguyên nhân cháy, nổ do hành vi phá hoại) dẫn đến tổn thất toàn bộ Xe máy.
- 12.2. **Chương trình 2:**
- a. Cháy, Nổ (trừ nguyên nhân cháy, nổ do hành vi phá hoại) dẫn đến tổn thất toàn bộ Xe máy;
 - b. Xe máy bị tổn thất toàn bộ do tai nạn trong quá trình đang tham gia giao thông, bao gồm cả tổn thất do đâm va với các phương tiện khác hoặc đâm va với các vật thể cố định;
 - c. Mất trộm, mất cắp Xe máy tại các điểm trông giữ xe có giấy phép do Cơ quan có thẩm quyền cấp phép (bao gồm cả trường học, bệnh viện, cơ quan làm việc hoặc tại các điểm trông giữ xe tại tòa nhà, bãi xe công cộng...) có phát phiếu, thẻ gửi xe hoặc hình thức tương tự với điều kiện phải còn vé gửi xe hoặc các bằng chứng tương tự vé gửi xe;
 - d. Mất trộm, mất cắp Xe máy tại nhà riêng, nơi cư trú (không phải là nơi trông giữ xe công cộng) có nguyên nhân từ hành vi sử dụng vũ lực hay sức mạnh để đột nhập, cạy phá và/ hoặc thoát ra bằng vũ lực có bằng chứng, chứng cứ để lại hiện trường nhằm chiếm đoạt xe máy, bao gồm cả việc phá hỏng xe máy;
 - e. Cướp;
 - f. Những tai họa bất ngờ, bất khả kháng do thiên nhiên (bao gồm nhưng không giới hạn giông, bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, sóng thần...) dẫn đến tổn thất toàn bộ Xe máy với điều kiện Chủ xe phải còn giữ nguyên trạng xe được bảo hiểm bị thiệt hại sau thiên tai.

Điều 13: Loại trừ bảo hiểm

Ngoài các điểm loại trừ chung được nêu tại Điều 11, Bảo hiểm PVI không bồi thường thiệt hại của Xe máy được bảo hiểm trong các trường hợp sau đây tương ứng với các

Chương trình bảo hiểm:

13.1. Loại trừ bảo hiểm của Chương trình 1.

- a. Những vụ tổn thất thuộc điểm loại trừ chung quy định tại Điều 11 Quy tắc này;
- b. Cháy, nổ do lỗi của nhà sản xuất hoặc do người sử dụng tự ý thay đổi / lắp thêm các linh kiện không theo thiết kế ban đầu của nhà sản xuất và là nguyên nhân dẫn đến cháy, nổ.

13.2. Loại trừ bảo hiểm của Chương trình 2.

- a. Những vụ tổn thất thuộc điểm loại trừ của Chương trình 1;
- b. Tổn thất có chi phí sửa chữa thực tế hoặc chi phí sửa chữa ước tính của Xe máy nhỏ hơn hoặc bằng **75%** giá trị thực tế của xe máy tại thời điểm xảy ra tổn thất;
- c. Xe máy bị mất do hành vi lừa đảo, lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, lợi dụng lòng tin của bất kỳ người nào mà theo định nghĩa của Bộ luật Hình sự là lừa đảo/ tội phạm lợi dụng lòng tin hoặc do hành vi gian lận, không trung thực, trục lợi bảo hiểm, thông đồng với kẻ gian của Chủ xe / Lái xe;
- d. Xe máy bị mất do trộm đột nhập vào nhà nhưng không để lại dấu vết cạy, phá, sử dụng công cụ / thiết bị mở khóa để đột nhập hoặc mất tại các bãi gửi xe không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và/hoặc không phát phiếu/thẻ gửi xe hoặc các hình thức tương tự, không có bằng chứng, không xác định được nguyên nhân hoặc do sự bất cẩn của Chủ xe / Lái xe gây ra;
- e. Xe máy bị mất do chịu ảnh hưởng của những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên và không tìm lại được Xe máy;
- f. Mất trộm do Chủ xe / Lái xe để quên chìa khóa xe máy hoặc điều khiển điện xe máy (smart key), không tắt máy về chế độ OFF khi dừng, đỗ xe đối với xe máy có trang bị smart key;
- g. Xe máy bị mất cắp, mất trộm, bị cướp liên quan tới một hợp đồng thương mại (bao gồm nhưng không giới hạn với hợp đồng cho thuê Xe máy);
- h. Tổn thất do Xe máy vận chuyển hàng hóa công kênh, chở chất cháy nổ trái quy định của pháp luật;
- i. Xe máy bị tổn thất khi Lái xe sử dụng xe nhưng không được sự đồng ý của Chủ xe, kể cả trường hợp Xe máy bị trưng dụng, tịch thu bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền;
- j. Xe máy bị thiệt hại trước khi tham gia bảo hiểm.

Điều 14: Nguyên tắc bồi thường

14.1. Bồi thường tổn thất toàn bộ.

Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho các tổn thất toàn bộ thuộc phạm vi bảo hiểm của xe được bảo hiểm theo chương trình bảo hiểm khách hàng lựa chọn như sau:

- a. Trường hợp Xe máy bị mất trộm, mất cắp, bị cướp: Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan công an, chính quyền địa phương thụ lý hồ sơ/đơn trình báo nhưng không tìm được Xe.
- b. Trường hợp Xe máy bị cháy, nổ: Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày khai báo mà không thể tìm ra nguyên nhân tổn thất.
- c. Trường hợp Xe máy bị tổn thất do tai nạn: chi phí sửa chữa thực tế hoặc ước tính vượt

quá **75%** số tiền bảo hiểm hoặc giá trị xe ngay tại thời điểm trước khi tổn thất.

- d. Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ sẽ bằng Giá trị thực tế của Xe máy ngay tại thời điểm xảy ra tổn thất và không vượt quá Số tiền bảo hiểm ghi trên GCNBH / HDBH. Sau khi được Bảo hiểm PVI giải quyết bồi thường, GCNBH / HDBH cho Xe máy đó sẽ mặc nhiên chấm dứt hiệu lực.

Trường hợp tổn thất toàn bộ có liên quan đến trách nhiệm của bên thứ ba, Chủ xe/ Lái xe phải thực hiện theo đúng các hướng dẫn của Bảo hiểm PVI để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo hiểm PVI kèm theo toàn bộ hồ sơ chứng từ cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo hiểm PVI để đòi bồi thường bên thứ ba.

14.2. Thu hồi tài sản sau bồi thường.

- a. Đối với các trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, Xe máy bị tổn thất sẽ thuộc quyền sở hữu của Bảo hiểm PVI. Sau khi đồng ý số tiền bồi thường được Bảo hiểm PVI thông báo, Chủ xe có nghĩa vụ bàn giao xác xe, GCNBH / HDBH và các giấy tờ liên quan, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển giao quyền sở hữu Xe máy cho Bảo hiểm PVI.
- b. Trường hợp Chủ xe có đề nghị nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, Bảo hiểm PVI sẽ giảm trừ số tiền bồi thường tương ứng với giá trị thanh lý chiếc xe đó theo định giá của Bảo hiểm PVI hoặc Đơn vị chức năng do hai bên thống nhất chỉ định.
- c. Trường hợp tìm lại được Xe máy bị mất, bị cướp sau khi đã được bồi thường, nếu Chủ xe có đề nghị nhận lại Xe máy, Chủ xe sẽ phải hoàn trả đầy đủ cho Bảo hiểm PVI số tiền bồi thường đã nhận.

Điều 15: Giải quyết khiếu nại bồi thường

Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường số tiền tổn thất toàn bộ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ và không quá 30 ngày làm việc đối với trường hợp cần xác minh thêm thông tin.

Điều 16: Giảm trừ bồi thường

- 16.1. Trường hợp Chủ xe / Lái xe không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 4 và Điều 14 của Quy tắc này thì Bảo hiểm PVI có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường, cụ thể như sau:
 - a. Giảm trừ từ 05% đến 10% số tiền bồi thường trong trường hợp Chủ xe / Lái xe không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn cho người và/ hoặc tài sản, hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng;
 - b. Giảm trừ từ 20% đến 50% số tiền bồi thường trong trường hợp Lái xe điều khiển Xe máy vượt quá tốc độ cho phép từ 20% đến 50% theo kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng có thẩm quyền;
 - c. Giảm trừ đến 90% số tiền bồi thường trong trường hợp Chủ xe / Lái xe không tạo điều kiện cho Bảo hiểm PVI trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường;
 - d. Giảm trừ từ 50% đến toàn bộ số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của Chủ xe / Lái xe trong các trường hợp sau:

- Chủ xe / Lái xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo hiểm PVI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba không theo hướng dẫn hoặc khi chưa có ý kiến của Bảo hiểm PVI.
- Chủ xe / Lái xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

16.2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường.

Khi Chủ xe bị giảm trừ số tiền bồi thường đồng thời theo nhiều mức khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, Bảo hiểm PVI sẽ áp dụng mức giảm trừ số tiền bồi thường có tỷ lệ cao nhất.

Chương III

BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE MÁY

Điều 17: Phạm vi bồi thường và Mức trách nhiệm bảo hiểm

17.1. Phạm vi bảo hiểm.

Trên cơ sở Mức trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện Trách nhiệm dân sự (TNDS) mà Chủ xe đã lựa chọn tham gia, Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường phần chi phí thực tế Chủ xe đã bồi thường cho bên thứ ba vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe cơ giới do Bộ Tài chính quy định.

17.2. Mức trách nhiệm bảo hiểm.

- Mức trách nhiệm bảo hiểm (MTN) là số tiền tối đa Bảo hiểm PVI có thể phải trả đối với thiệt hại về thân thể, tính mạng và tài sản của bên thứ ba do Xe máy gây ra trong mỗi vụ tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm với điều kiện số tiền thực tế Chủ xe đã bồi thường vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe máy. Mức trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện TNDS của chủ xe máy được ghi trên GCNBH.
- Mức trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện TNDS của chủ Xe máy được quy định cụ thể tại Biểu phí.

Điều 18: Điều kiện bảo hiểm

Sản phẩm bảo hiểm này chỉ được cấp với Xe máy có tham gia bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe cơ giới theo quy định của Bộ Tài chính đang còn hiệu lực.

Điều 19: Nguyên tắc bồi thường

19.1. Bồi thường thiệt hại về người.

Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm tự nguyện Mô tô - Xe máy ban hành cùng Quy tắc bảo hiểm hoặc theo chi phí thực tế và tương ứng với mức độ lỗi của Chủ xe / Lái xe như sau:

- Số tiền bồi thường (STBT) theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người:

$$STBT = (\text{Tỷ lệ trả tiền} \times \text{MTN tự nguyện}) \times \text{Tỷ lệ lỗi} \leq \begin{array}{l} \text{Số tiền vượt quá} \\ \text{quyền lợi thuộc MTN} \\ \text{bắt buộc mà Chủ xe} \\ \text{đã bồi thường.} \end{array}$$

- Số tiền bồi thường theo chi phí thực tế:

Chi phí thực tế bao gồm chi phí cấp cứu, chi phí viện phí, thuốc men, mất giảm thu nhập, trợ cấp bồi dưỡng, chi phí mai táng (trường hợp chết) v.v... Nhưng trong mọi trường hợp không được vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm tự nguyện Mô tô - Xe máy ban hành cùng Quy tắc bảo hiểm và tương ứng với mức độ lỗi của Chủ xe / Lái xe trong vụ tai nạn.

$STBT = \text{Chi phí thực tế} \times \text{Tỷ lệ lỗi} \leq \begin{matrix} \text{Số tiền vượt quá quyền lợi thuộc MTN} \\ \text{bắt buộc mà chủ xe đã bồi thường.} \end{matrix}$

19.2. Bồi thường thiệt hại về tài sản.

Ngoài số tiền được bồi thường theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về bảo hiểm bắt buộc TNDS Chủ xe tại thời điểm bắt đầu hiệu lực bảo hiểm, Bảo hiểm PVI sẽ giải quyết bồi thường phân trách nhiệm tăng thêm nếu số tiền mà Chủ xe đã bồi thường cho bên thứ ba vượt quá mức trách nhiệm bắt buộc. Số tiền bồi thường được tính trên cơ sở thiệt hại thực tế và mức độ lỗi của Chủ xe / Lái xe nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm đối với tài sản đã lựa chọn tham gia.

Trường hợp Xe máy được bảo hiểm theo nhiều hợp đồng bảo hiểm, ngoài việc tính theo quy định trên còn áp dụng theo Quy tắc bảo hiểm tự nguyện Xe máy hiện hành của Bảo hiểm PVI.

Điều 20: Loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI không bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

- 20.1. Những vụ tổn thất thuộc điểm loại trừ chung quy định tại Điều 11 Quy tắc này (không bao gồm điểm 11.12);
- 20.2. Xe máy không tham gia Bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe cơ giới theo quy định của pháp luật;
- 20.3. Những thiệt hại thuộc điểm loại trừ bảo hiểm theo loại hình bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe cơ giới do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực tại thời điểm cấp GCNBH.

Chương IV

BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE MÁY

Điều 21: Đối tượng được bảo hiểm

Thiệt hại thân thể đối với Lái xe và những người được chở trên xe (Người được bảo hiểm).

Điều 22: Phạm vi bảo hiểm

Trừ những trường hợp thuộc điểm loại trừ như quy định tại Điều 23 dưới đây, Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho trường hợp tử vong hay thương tật thân thể của Người được bảo hiểm do tai nạn bất ngờ khi đang ở trên xe hoặc đang lên, xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

Điều 23: Loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ không bồi thường trong các trường hợp sau:

- 23.1. Người được bảo hiểm cố ý gây thiệt hại hoặc thực hiện các hành vi trái quy định của pháp luật khi xe đang tham gia giao thông;

- 23.2. Tại thời điểm xe đang hoạt động xảy ra tổn thất, thiệt hại, Lái xe không có Giấy phép lái xe (GPLX) hoặc GPLX không hợp lệ, không phù hợp đối với loại xe máy bắt buộc phải có GPLX tương ứng với loại xe. Trường hợp Lái xe bị tước quyền sử dụng GPLX có thời hạn hoặc không thời hạn, bị mất GPLX, bị tạm giữ GPLX mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng Lái xe chưa đến để giải quyết thì được coi là không có GPLX (GPLX do nước ngoài cấp được coi là không hợp lệ);
- 23.3. Tại thời điểm xảy ra tổn thất, Lái xe có nồng độ cồn trong máu / khí thở hoặc sử dụng các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật;
- 23.4. Người được bảo hiểm bị tử vong hoặc thương tật thân thể do xe vận chuyển các loại hàng hóa trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển, xếp dỡ hàng gây ra;
- 23.5. Người được bảo hiểm bị tử vong hoặc thương tật thân thể do sử dụng xe tham gia hoạt động thể thao, đua xe (kể cả hợp pháp hoặc không hợp pháp);
- 23.6. Tai nạn ngoài lãnh thổ Việt Nam;
- 23.7. Xe máy không tự vận hành mà do một phương tiện khác kéo, đẩy dưới bất kỳ hình thức nào gây tử vong hoặc thương tật thân thể cho Người được bảo hiểm.

Điều 24: Mức trách nhiệm bảo hiểm

Mức trách nhiệm bảo hiểm (Số tiền bảo hiểm) cho mỗi chỗ ngồi trên xe được tính trên cơ sở số chỗ ngồi theo thiết kế của xe được phép tham gia giao thông.

Điều 25: Quyền lợi bảo hiểm

- 25.1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong thuộc phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm PVI thanh toán (chi trả) toàn bộ Số tiền bảo hiểm ghi trên GCNBH / HĐBH.
- 25.2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể:
- Số tiền bảo hiểm đến 100 triệu đồng/người/vụ: Bảo hiểm PVI chi trả bồi thường theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm tự nguyện Mô tô – Xe máy ban hành cùng Quy tắc này.
 - Số tiền bảo hiểm trên 100 triệu đồng/người/vụ:
 - Thương tật tạm thời*: Bảo hiểm PVI thanh toán chi phí y tế thực tế, hợp lý và chi phí bồi dưỡng (tối đa không vượt quá 0,1% Số tiền bảo hiểm/ngày/người bị thương trong thời gian điều trị thương tật) nhưng không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm tự nguyện Mô tô – Xe máy ban hành cùng Quy tắc này.
 - Thương tật vĩnh viễn*: Được bồi thường theo tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định tại Bảng trả tiền bảo hiểm nói trên.
- 25.3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế trên xe (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên GCNBH, thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số chỗ ngồi được bảo hiểm với số người thực tế trên xe. Trẻ em dưới 7 tuổi được hưởng đầy đủ quyền lợi bảo hiểm như trên.

